

THỜ CÚNG TỔ NGHỀ

(Nghiên cứu trường hợp quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

Tóm tắt: Tuy chỉ chiếm số lượng khiêm tốn (khoảng 5%) nhưng những di tích thờ cúng tổ nghề và các hoạt động thờ cúng tổ nghề ở quận Hoàn Kiếm lại chính là phần “linh hồn” của đời sống tôn giáo ở khu vực 36 phố phường trong suốt tiến trình lịch sử, đánh dấu sự có mặt của các ngành nghề thủ công truyền thống và những tập tục văn hóa được cộng đồng làm nghề duy trì hoạt động. Tồn tại đến ngày nay, những cơ sở thờ cúng tổ nghề vẫn đang được cộng đồng làm nghề quan tâm, gìn giữ, duy trì các hoạt động thờ cúng cho dù phần lớn các nghề thủ công trước kia không còn tồn tại. Sự hiện diện của những cơ sở thờ cúng này minh chứng cho sự phát triển của nhiều nghề thủ công trong khu vực 36 phố phường xưa, đồng thời khẳng định sự trường tồn của những giá trị văn hóa tâm linh của người Việt Nam.

Từ khóa: Thờ cúng, tổ nghề, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

1. Dẫn nhập

Theo bản khai thần tích thần sắc của Viện Viễn Đông Bác Cổ năm 1938 và hồ sơ lưu tại Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội thì trước đây, có tới 15 cơ sở thờ cúng tổ các ngành nghề. Đó là: đình Tú Thị (số 2 Yên Thái), đình Vũ Du (số 42 Hàng Da) thờ tổ nghề thêu; đình Kim Ngân (số 42 Hàng Bạc) và đình Trương Thị (số 50 Hàng Bạc) thờ tổ nghề kim hoàn; đình Hà Vĩ (số 11 Hàng Hòm), đình Thuận Mỹ (số 74 Hàng Quạt) thờ tổ nghề sơn vẽ; đình Lò Rèn (số 1 phố Lò Rèn) và một ngôi đình Lò Rèn (số 33 Lò Sũ) thờ tổ nghề rèn sắt; đình Trúc Lâm (số 40 Hàng Hành), đình Hải Tượng (số 16 ngõ Hải Tượng) thờ tổ nghề giấy da; đình Hoa Lộc (số 90 Hàng Đào) thờ tổ nghề nhuộm; đình Hàng Quạt (số 4 Hàng Quạt) thờ tổ nghề quạt; đình Hàng Thiếc (số 2 Hàng Nón) thờ tổ nghề thiếc; đình Nhị Khê (số 11 Hàng Hành) thờ tổ nghề tiện; đình Phúc Hậu (số 2 Hàng Bông) thờ tổ nghề tráng gương; đình Đồng Lạc (số 38 Hàng Đào) thờ tổ nghề cổ yếm.

* Nghiên cứu sinh khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội.

Tuy nhiên, do thời gian và những biến đổi của lịch sử, một số nghề đã không còn tồn tại và cùng với đó là những di tích thờ cúng tổ nghề cũng bị mai một và suy tàn. Tính đến thời điểm năm 2013, trong đợt tổng kiểm kê di tích của thành phố Hà Nội thì trong khu Phố Cổ Hà Nội chỉ còn một số di tích thờ cúng tổ nghề như: đình Hoa Lộc (thờ tổ nghề nhuộm), đình Kim Ngân, đình Trương Thị (thờ tổ nghề kim hoàn), đình Tú Thị (thờ tổ nghề thêu), đình Hà Vĩ (thờ tổ nghề sơn), đình Trúc Lâm (thờ tổ nghề giày da), đình Đồng Lạc (thờ tổ nghề cổ yếm), đình Lò Rèn (thờ tổ nghề rèn sắt).

Mặc dù số di tích thờ cúng tổ nghề hiện còn không nhiều, nhưng sự hiện diện của những di tích này đã tạo nên một diện mạo của khu phố cổ Hà Nội mang đặc trưng của những phố nghề mà không nơi nào có được, phản ánh những tập tục sinh hoạt văn hóa tâm linh được các phường nghề thủ công đem từ quê “gốc” ra Thăng Long để “thờ vọng” những vị tổ nghề nhằm cầu mong cho nghề của mình ngày một phát đạt. Bài viết này đề cập đến hoạt động thờ cúng tổ nghề trong khu Phố Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội thông qua những cơ sở thờ tự, những truyền thuyết, sự tích về các vị tổ nghề cùng các nghi thức thờ cúng của mỗi phường nghề còn duy trì cho đến hôm nay.

2. Khái quát thần tích về những vị tổ nghề ở quận Hoàn Kiếm

2.1. Tổ nghề nhuộm

Trong các công trình nghiên cứu, giới thiệu về các vị tổ nghề Việt Nam hiện nay, tổ nghề nhuộm hầu như ít được nhắc tới, có chăng chỉ là vài dòng sơ lược, giới thiệu chung chung. Trong khu phố cổ Hà Nội, hiện còn ngôi đình Hoa Lộc Thị, vốn thờ vọng tổ nghề nhuộm, gốc từ Đoan Loan, Bình Giang, Hải Dương lên Thăng Long lập nghiệp từ thời Lê. Theo thần tích còn lưu tại đình làng Đốc thì tổ nghề nhuộm chính là ông bà Triệu Xương, người Trung Hoa, giữ chức Đô hộ thời Đường. Ông đã đến đất Minh Luân, huyện Đường An mở trường dạy học gọi là “Đông giao học hiệu”. Ông lại có công dạy dân làng Đốc làm nghề nhuộm điều, vì thế mà xóm làng trở nên sung túc, giàu có. Sau khi ông mất, dân làng Đốc dựng đền thờ ông làm tổ nghề nhuộm.

2.2. Tổ nghề kim hoàn

Tổ nghề Kim Hoàn được nhắc tới rất nhiều trong các công trình nghiên cứu về văn hóa dân gian và dân tộc học là 3 anh em Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điền, người làng Định Công (Thanh Trì, Hà Nội). Do cha mẹ mất sớm nên ba anh em phải làm lụng vất vả nuôi nhau. Bấy giờ,

quân nhà Lương đã tiến vào kinh đô Vạn Xuân, Lý Nam Đế không chống cự nổi, dân chúng bỏ chạy tan tác. Ba anh em họ Trần chạy giặc, mỗi người lưu lạc một nơi. Thật tình cờ, người nào cũng xin làm thuê cho những chỗ chế tác đồ trang sức bằng vàng bạc. Vừa làm việc, họ vừa chăm chú học lấy những kỹ xảo của nghề. Chẳng bao lâu, 3 anh em đã rất thạo việc. Đất nước yên bình, họ tìm về gia đình. Ba anh em chung nhau lập một xưởng làm đồ kim hoàn. Dân làng Định Công đua nhau học theo, dần dà nghề kim hoàn Định Công nổi tiếng khắp trong nước. Để nhớ ơn người có công khai sáng, dân làng đã tôn ba anh em Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điền là tổ nghề.

Nếu như các nghề khác chỉ có một vị tổ nghề, thì nghề vàng bạc lại có nhiều vị tổ nghề, mỗi địa phương lại suy tôn một vị tổ nghề cho mình. Nếu như dân làng Định Công, Hà Nội thờ tổ nghề là 3 anh em Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điền thì dân làng Châu Khê (huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) lại thờ ông Lưu Xuân Tín; làng Đồng Xâm (Thái Bình) thờ Nguyễn Kim Lâu; thợ kim hoàn Thành phố Hồ Chí Minh thờ bà Lê Châu; vùng đất Thuận, Quảng thờ Cao Đình Độ. Do mỗi nơi thờ một vị tổ nghề riêng nên khi đến Thăng Long làm ăn, để thích ứng với nơi sinh hoạt mới, những người thợ kim hoàn phố Hàng Bạc đã quyết định thờ vị tổ nghề là Hoàng đế Hiên Viên - ông tổ bách nghệ theo huyền tích cổ Trung Hoa. Tuy nhiên, hiện nay tại đình Kim Ngân cũng như các tài liệu khác, không tìm thấy tư liệu nào ghi chép về “Bách nghệ tổ sư”, chỉ biết rằng vị thần này có vai trò cổ kết mối quan hệ cộng đồng, phường hội của những người cùng nghề, khác quê sống trong phố Hàng Bạc.

2.3. Tổ nghề thêu

Truyền thuyết về ông tổ nghề thêu làng Quất Động hiện nay khá phong phú và còn có nhiều ý kiến chưa thống nhất về tên họ, năm sinh, năm mất. Tuy vậy, trong tâm thức của người dân làng Quất Động thì tổ nghề chính là Lê Công Hành, người học được nghề thêu từ Trung Hoa về truyền dạy cho dân các làng Quất Động, Đào Xá, Hương Dương.... Gia phả của dòng họ Bùi ở làng Quất Động (huyện Thường Tín) cho biết: “Cụ Lê Công Hành vốn là người họ Mạc. Năm 1546, Mạc Phúc Hải mất, con là Mạc Phúc Nguyên mới hai tuổi lên ngôi. Bảy giờ triều đình có ông Phạm Tử Nghi định đưa Mạc Chính Trung lên ngôi, nhưng không được các quan trong triều đồng ý, Mạc Chính Trung bèn làm loạn. Lúc ấy, để đảm bảo tính mạng, bà Bùi Thị Ban (thứ phi của Mạc Phúc Hải) đưa Mạc

Phúc Đăng về lánh nạn ở làng Quất Động. Tại đây, Mạc Phúc Đăng sinh con là Mạc Phúc Đề. Năm 1592, nhà Lê khôi phục lại chính quyền ở Thăng Long, để tránh mọi điều phiền nhiễu, con cháu họ Mạc ở Quất Động đổi sang họ Trần là họ bên ngoài”¹.

Lê Công Hành tên thật là Trần Quốc Khái, sinh ngày 18 tháng Giêng năm Bính Ngọ (1606) tại làng Quất Động. Ông đỗ tiến sĩ đời vua Lê Thần Tông (1637). Năm 40 tuổi, khi đi sứ Trung Quốc, ông tự mày mò học nghề thêu lọng. Về nước, ông dạy nghề thêu cho dân làng Quất Động, Đào Xá, Hướng Dương và một số làng khác ở Mỹ Đức, Hoài Đức.

Làm quan dưới triều Lê, tới chức Thượng thư Bộ Công, lại lập được nhiều công trạng nên ông được vua ban quốc tính họ Lê, kể từ đó ông có tên là Lê Công Hành. Ông mất ngày 12 tháng 6 năm Tân Sửu (1661), thọ 56 tuổi, được triều đình ban tước Thái Bảo Quận Công. Năm xā mang công ơn đã tôn ông làm tổ nghề, hằng năm cúng tế.

2.4. Tổ nghề giày da

Tương truyền, ông tổ nghề giày da là Tiến sĩ Nguyễn Thời Trung, sống dưới thời Mạc Đăng Dung (1527 - 1529). Ông thi đỗ tiến sĩ, được bổ làm quan và đi sứ nhà Minh. Đến sứ bộ Hàng Châu, ông cùng với 3 người thợ làng Chấm là: Phạm Thuần Chánh, Phạm Đức Chính và Nguyễn Sĩ Bân học được nghề làm giày da của người nước ngoài. Về nhà, ông mở lò thuộc da lớn ngay trên đất Tam Lâm, truyền lại những kinh nghiệm mới cho dân làng, cải tiến nghề cũ để làm ra hàng mới với chất lượng cao. Không bao lâu, nghề da ở Tam Lâm phát đạt, tiếng đồn vang khắp mọi nơi. Nhờ có nghề nghiệp, làng xóm trở nên phong lưu, sung túc. Sau khi các ngài qua đời, dân làng nhớ ơn những người truyền dạy nghề nên xây đình thờ Nguyễn Thời Trung làm tổ nghề dày da. Các vị hậu tiên sư là Phạm Thuần Chánh, Phạm Đức Chính và Nguyễn Sĩ Bân cũng được hưởng tự. Để ghi nhận công lao của các vị, triều đình nhà Mạc sắc phong cho Nguyễn Thời Trung và ba vị hậu, vì họ đã có công cải tiến, phát triển và dạy nghề cho dân. Thế kỷ XIX, khi những người dân làng Chấm di cư ra Thăng Long, họ xây dựng những ngôi đình để thờ vọng Nguyễn Thời Trung và 3 đồ đệ của ông.

2.5. Tổ nghề sơn

Sự tích ông tổ nghề sơn chỉ còn lưu lại ít trong cuốn *Bình Vọng Trần thị gia phả* (có lưu trữ trong kho sách chữ Hán của Thư viện Hán - Nôm)

và tản mạn trong ký ức của các vị cổ lão làng Bình Vọng, huyện Thường Tín, Hà Nội. *Bình Vọng Trần thị gia phả* là bộ sách chép tay trên giấy lệnh hội, mang ký hiệu A979, gồm 476 trang, chia ra làm 15 kỷ, tức là 15 chi họ, do Trần Phương Xuân chép lại năm 1912. Ở kỷ thứ hai có chép Trần Lư (còn đọc là Lương), tự là Tu Khê, sinh năm Canh Dần (1470), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 đời Lê Hiến Tông. Gia phả không ghi cụ thể năm mất nhưng có chi tiết giúp đoán định được: “năm ông đi sứ về thì gặp lúc Mạc Đăng Dung chiếm ngôi nhà Lê nên ông từ tiết để giữ lòng trung với nhà Lê”. Vậy, năm đó có thể là năm 1527. Gia phả còn ghi rõ: ông nắm vững được nghề vẽ bằng sơn và truyền nghề cho dân làng. Cả làng biết nghề này là do ông (Dĩ tự tiên sinh nhi toàn hương tri thử nghệ). Sau đó, ông còn truyền nghề cho dân làng Hạ Thái, Duyên Trường, Hướng Dương. Vì vậy, làng Hà Vĩ còn tôn Trần Lư làm Thành hoàng làng.

Vào thời Lê, những thợ sơn ở Bình Vọng, Hạ Thái, Duyên Trường tụ hội về Thăng Long, lập lên phường sơn Nam Ngự nổi tiếng. Xưa, phố Nam Ngự cũng có đền thờ ông, nhưng nay không còn. Đến thế kỷ XIX, dân làng Hà Vĩ di cư ra phố Hàng Hòm (xưa thuộc đất thôn Cổ Vũ Thượng, tổng Tiên Túc, huyện Thọ Xương). Ban đầu, họ mở một số cửa hiệu làm và bán hòm gỗ, rương, tráp.... Về sau, họ nhận sơn các hòm gỗ, tráp, hoành phi, câu đối, cây đèn, ngai bệ, khám thờ. Để tưởng nhớ đến vị tổ nghề, họ dựng ngôi đình Hà Vĩ để thờ vọng tổ nghề sơn Trần Lư và cũng là Thành hoàng ở quê cũ.

2.6. Tổ nghề rèn

Trong truyền thuyết về tổ nghề rèn có khá nhiều vị được thờ ở những nơi có nghề thủ công rèn sắt. Mỗi địa phương lại thờ một vị tổ nghề riêng cho mình. Chẳng hạn như: vùng An Khê (Bình Định) thờ một nhân vật là cụ Đặng (hậu duệ của cụ đã giúp Nguyễn Huệ rèn khí giới cho quân đội Tây Sơn). Đình Cau Dương (xã Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình) thì lại thờ Dã Tượng và Ngũ vị tổ sư. Còn ở làng Hòe Thị, Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội - nơi có nghề rèn từ rất sớm, lại thờ ông tổ nghề rèn là Nguyễn Đắc Tài, một người quê Thanh Hóa đã đưa nghề rèn đến Hòe Thị vào thời Lê Trung hưng. Dân làng Đa Sĩ (phường Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội) thờ ông tổ là Hoàng Thông và Đô Hồ Thông (theo truyền thuyết, vào thời Hùng Vương thứ 18). Dân làng Đa Hội (Đông Anh, Hà Nội) thờ Thuần Quận Công - một nhân vật dưới thời Mạc làm tổ nghề.

Như vậy, tổ nghề rèn cũng có rất nhiều vị, mỗi địa phương lại thờ một vị tổ riêng cho mình. Những vị này có thể là vị tổ chung của nghề rèn, có thể là những người đã giúp dân cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề rèn đến bậc cao hơn.

Hiện nay, truyền thuyết về vị tổ chung của nghề rèn là Cao Lỗ, hiệu là Lư Cao Sơn vốn được đề cập nhiều trong các công trình nghiên cứu văn hóa dân gian của các học giả và tại bài vị của những nơi có đình, đền thờ tổ nghề rèn. Tuy nhiên, về thời điểm xuất hiện và quê quán của tổ nghề rèn còn chưa đồng nhất. Một số ý kiến cho rằng, ông quê làng Nga Hoàng, huyện Quế Dương (nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh), sống dưới thời Hùng Vương thứ 6. Các nhà khảo cổ học lại cho rằng: ông người làng Nho Lâm, xã Diễn Thọ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, sống dưới thời Thục An Dương Vương. Do có công truyền dạy nghề rèn cho mọi người nên sau khi ông qua đời, nghề rèn tôn ông làm Tổ sư.

Vào thế kỷ XVII-XVIII, thợ rèn sắt từ Hòe Thị di chuyển vào Thăng Long gồm hai nhóm chính: một nhóm khá đông đảo đã đến lập nghiệp ở khu vực Tân Khai - Tân Lập; nhóm kia thì đến khu vực gần Cửa Nam, sau này là phố Sinh Từ, Hàng Bột, Ô Chợ Dừa. Ban đầu, chỉ có dân Hòe Thị đến định cư tại làng Tân Khai - Tân Lập (tức phố Lò Rèn hiện nay), sau có thêm một số thợ các làng khác như Đa Sĩ (Hà Đông), Đa Hội (Đông Anh) cũng đến đây. Để nhớ ơn tổ nghề, dân làng Hòe Thị mua đất xây dựng ngôi đình Lò Rèn để thờ vị tổ chung của nghề rèn là: Lư Cao Sơn. Sau này, có phối thờ thêm các vị là:

Tả Hầu Thánh sư, Nguyễn Cẩn Thánh sư Quảng gia Đô bác Đại vương Trung hưng Thượng đẳng thần.

Tý Cung Thánh sư, Đỗ Sắc Thánh sư vinh quang linh ứng Đại vương trung hưng Thượng đẳng thần.

Theo các cụ cao tuổi cho biết, đình Lò Rèn được ban tặng sắc phong dưới triều Nguyễn. Tuy nhiên, trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, sắc phong đã bị thất lạc, hiện trong di tích chỉ còn chiếc hòm đựng sắc - một minh chứng cho sự có mặt của các sắc phong cho đình trước đây.

2.7. Tổ nghề cổ yếm

Bản thân tích, thần sắc của dân đình Đồng Lạc, phố Hàng Đào năm 1938 cho biết: Tổ nghề cổ yếm là bà Nguyễn Thị Diệu Quyên, là vợ ông thủ khoa, quê làng Đại Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là Hà

Nội) đã lập ra nghề cổ yếm vào thời Lê. Bà đã có công dạy bảo người dân trong phố làm nghề này. Về sau, nghề làm cổ yếm lan truyền đi khắp nơi để bán cho các phụ nữ An Nam mua về làm cổ yếm.

Sau này, bà bỏ tiền mua khu đất là đình Đồng Lạc để thờ Cao Sơn Đại vương, Bạch Mã Đại vương và Linh Lang Đại vương.

Bà tạ thế năm 88 tuổi. Để nhớ công lao người đã truyền dạy nghề, người dân trong phố Hàng Đào đã tôn bà là *Quyển yếm thị tiên sư*, hợp thờ với các vị thần trong đình Đồng Lạc.

3. Những cơ sở thờ cúng tổ nghề

3.1. Đình Hoa Lộc thờ tổ nghề nhuộm

Ngôi đình tọa lạc tại số 90A, phố Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm. Đình do 4 người thuộc họ Lê, họ Phạm, họ Vũ và họ Đào đứng ra mua đất, xây dựng vào năm Vĩnh Thịnh 2 (1706). Đến thời vua Thành Thái lại được mở rộng quy mô. Lần trùng tu lớn và năm Tân Ty, thời vua Bảo Đại (1941).

Theo tấm bia “Hoa Lộc thị vọng từ bi ký” dựng năm Tân Ty, niên hiệu Bảo Đại thứ 16 (1941) cho biết quy mô của ngôi đình khi mới xây dựng: “Lần đầu xây dựng, kiểu mẫu chưa được rộng, đó là thời thái cổ. Thời vua Thành Thái (1889 - 1907), đền thờ vọng được sửa sang thêm nhưng cũng chỉ từ chỗ mộc mạc chật hẹp sang quy mô đơn giản. Đền² vẫn còn thấp, chưa cao ráo. Đó là thời kỳ bán khai.

Đến thời vua Bảo Đại, năm Tân Ty (1941), các hội viên Hoa Lộc thấy đền cũ ẩm ướt, lâu ngày bị xiêu đổ, bèn họp bàn trích ra số tiền công làm đền 2 tầng. Đền vẫn xây trên nền cũ nhưng quy mô đổi mới. Việc thờ phụng ở gác trên. Miếu mạo tôn nghiêm, dáng hình tráng lệ, trước ẩm thấp, nay rường cột cao đẹp...”³.

Trong đình dựng 2 tấm bia ghi lại những lần trùng tu, sửa chữa ngôi đình cùng long ngai, bài vị, câu đối, hoành phi....

3.2. Đình Kim Ngân, đình Trương Thị thờ tổ nghề kim hoàn

Phố Hàng Bạc xưa có 2 ngôi đình thờ tổ nghề kim hoàn, đó là đình Kim Ngân ở số 42 Hàng Bạc và đình Trương Thị ở số 50 Hàng Bạc.

Đình Kim Ngân: Đình Kim Ngân có tên chữ là “Kim Ngân đình thị”, nghĩa là đình chợ Kim Ngân - là nơi thờ tổ nghề kim hoàn, nhưng cũng là nơi buôn bán trao đổi hàng hóa của nghề thủ công kim hoàn truyền thống. Ngôi đình tọa lạc tại số nhà 42 phố Hàng Bạc.

Theo các nguồn tài liệu lưu trữ thì đình Kim Ngân ra đời vào khoảng trước đời Cảnh Thịnh (1794). Như vậy, đây là ngôi đình thờ tổ nghề có niên đại khởi dựng vào loại sớm nhất trong khu phố cổ Hà Nội. Tuy nhiên, ngôi đình đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Có lẽ lần trùng tu, sửa chữa đầu tiên vào năm Gia Long thứ 15 (thể hiện qua dòng lạc khoản *Gia Long thập ngũ niên, cửu nguyệt, lục nhật* - tức là ngày mùng 6, tháng 9, năm Gia Long thứ 15 (1816)), do các cụ tổ thuộc ba họ: Đỗ, Hoàng và Phạm đứng ra hưng công tu bổ. Ba họ này hiện đang sinh sống ở phố Hàng Bạc khá nhiều. Sau đó, ngôi đình còn được tu sửa thêm vào các năm: Minh Mệnh thứ 10 (1829), Tự Đức thứ 30 (1887), Thành Thái Nhân Dân (1902), Duy Tân thứ 2 (1908), Khải Định thứ 8 (1923) và năm 1951.

Ngôi đình có quy mô kiến trúc khang trang, tọa lạc ngay sát mặt tiền phố Hàng Bạc. Theo bức ảnh chụp từ năm 1904, thì kiến trúc của ngôi đình gồm các công trình: nghi môn, sân, tiền tế, ống muống và hậu cung. Tất cả đều làm bằng gỗ, tường xây gạch, mái ngói ta. Phía ngoài là 2 trụ biểu, đỉnh trụ đắp hai con nghê chầu vào nhau, thân cột đắp câu đối. Ngoài các hạng mục kiến trúc kể trên, phía sau hậu cung còn một dãy nhà ngang nằm song song với hậu cung, nơi dùng làm cỗ bàn mỗi khi đình vào đám.

Trong đình, trên các gian đều có treo những bức cửa võng, hoành phi, câu đối. Theo người dân Châu Khê thì những bức cửa võng (hiện nay vẫn còn) trực tiếp do những người thợ kim hoàn làm và được dát vàng rất tinh xảo. Trong cung đặt ngai, bài vị của Hoàng đế Hiên Viên và phu nhân cùng nhiều đồ thờ khác.

Đình Trương Thị: tọa lạc tại số 50 phố Hàng Bạc, chỉ cách đình Kim Ngân vài số nhà. Đình này cũng do dân Châu Khê mua đất xây dựng để thờ tổ nghề kim hoàn là Hoàng đế Hiên Viên. Theo người dân Châu Khê sinh sống nhiều đời ở đây kể lại: sở dĩ phố Hàng Bạc có tới 2 ngôi đình của dân Châu Khê là do vào thời Nguyễn có sự tranh chấp giữa hai họ: họ Phạm (họ ngoại) và họ Đỗ (họ nội). Do mâu thuẫn với họ nội (đình Trương Thị), nên họ Phạm xây ngôi đình Kim Ngân để thờ riêng. Như vậy, việc có hai ngôi đình trên một khu phố của người dân Châu Khê là do sự tranh chấp giữa hai họ: họ Phạm và họ Đỗ chứ không phải do dân làng Châu Khê đến lập nghiệp ở Thăng Long tăng lên không đủ chỗ hội họp tế lễ.

Đến thời Nguyễn, ngôi đình được trùng tu vào năm Gia Long thứ 15 (1816). Theo những người dân phố Hàng Bạc kể lại thì: xưa, đình Trương Thị cũng được dựng theo lối chữ “công”, gồm: cổng vào và khu kiến trúc chính gồm 3 tòa: đại bái, ống muống và hậu cung và 5 gian nhà khách phía sau rất rộng rãi. Toàn bộ kiến trúc được làm bằng gỗ lim, đường kính tới 50 cm. Trên các bộ vì, đầu bẩy, chạm nổi đề tài rồng châu, lá lật, vân xoắn theo mô típ hoa văn trong kiến trúc truyền thống. Khu nhà khách phía sau được làm đơn giản hơn, chất liệu gỗ, kiểu vì kèo quá giang trốn cột để tăng diện tích sử dụng.

Bên trong bài trí ngai, bài vị, 2 bức cửa võng, 2 bức hoành phi, câu đối, bát bửu, giá văn, lục bình...

3.3. Đình Tú Đình thờ tổ nghề thêu

Khi mới ra Thăng Long lập nghiệp, dân làng Quất Động ở rải rác trong các ngõ phố. Đi đến đâu, họ cũng xây dựng các cơ sở thờ tự để thờ cúng tổ nghề của mình. Ở phố Hàng Lọng xưa cũng có ngôi đền thờ tổ nghề thêu là Lê Công Hành. Tuy nhiên, nay ngôi đền đó không còn. Chỉ còn ngôi đình Tú Đình Thị ở số 2A, phố Yên Thái thờ tổ nghề thêu.

Văn bia “Bản thị tiên công liệt vị” (Kể tên các vị công đức của bản thị) dựng ngày 11 tháng 10 năm Thành Thái thứ 3 (1891) cho biết: “Chợ Tú Đình, huyện Thọ Xương.... bản thị 26 người tự xuất tiền của tư nhân, dựng từ vũ tại thôn An Thái để phụng thờ thánh tổ”. Như vậy, di tích được những người thợ thêu Quất Động xây dựng vào năm Thành Thái thứ 3 (1891) để thờ vọng ông tổ nghề của mình.

Đến năm 1933, được trùng tu lại. Tấm bia *Tú Đình trùng tu bi kí*, niên hiệu Bảo Đại thứ 8 (1933) cho biết: “Mùa xuân năm Quý Dậu triều Long Phi Bảo Đại (1933), bản thị cùng dân trong chợ quyên góp rộng rãi toàn chợ và bản nghệ hưng công tu sửa. Tháng 2 vào việc, tháng 6 chu toàn. Lúc hoàn tất tính ra chi phí có tới 2 ngàn đồng”⁴.

Di tích được làm kiểu chữ “nhị” gồm 3 gian tiền tế, 3 gian hậu cung. Phía ngoài có hai cột đồng trụ (gọi là nghi môn) có ghi câu đối bằng chữ Hán. Ngăn cách giữa tòa tiền tế và hậu cung là một khoảng hiên rộng chừng 1m. Toàn bộ kiến trúc được làm bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài, nền lát gạch Bát Tràng cổ.

Trong đình, tại hậu cung đặt bộ long ngai bài vị của vị tổ nghề Lê Công Hành, bên cạnh đó là mũ, áo, hia, lọng, bát bửu, tán.... Hai bên

ngai còn có chóc, giá kiếm, giá văn. Phần Đại bái treo 2 bức biển, 2 đôi câu đối gỗ, 3 bức hoành phi. Tất cả những di vật này đều được tạo vào thời Thành Thái.

3.4. Đình Trúc Lâm thờ tổ nghề giày da

Những người thợ giày da từ làng Chấm di cư ra Thăng Long họp bàn, mua hai khu đất tại phố Hàng Hành và phố Hải Tượng, dựng những ngôi đình thờ tổ nghề giày da. Đó là đình Trúc Lâm (của dân Trúc Lâm hay còn gọi là Chấm Chợ) và đình Hàng Giày (còn gọi là đình Hải Tượng) ở ngõ Hải Tượng (của dân Phong Lâm, còn gọi là Chấm Giữa). Trong thời gian chiến tranh, đình Hàng Giày đã bị phá hủy, chỉ còn ngôi đình Trúc Lâm ở phố Hàng Hành.

Đình Trúc Lâm có địa chỉ tại số 40, phố Hàng Hành, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm. Thế kỷ XIX, địa danh này thuộc thôn Tả Khánh, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức.

Văn bia dựng năm Tự Đức thứ 13 (1860) cho biết: Năm Quý Hợi (1863), tiến hành mua một miếng đất ở xứ Thọ Xương làm một ngôi đình lợp tranh làm nơi thờ cúng lễ tổ... để hội đôn tín của những người thợ vốn ở Trúc Lâm làm chốn thờ làm lễ của mình. Đến năm 1869, ngôi đình được dựng lại bằng gạch ngói. Một tấm bia khác dựng năm Thành Thái thứ 5 (1893) cho biết tên những người cúng tiền của để sửa sang 3 tòa tiền đường của từ miếu, 1 gian cung cấm.... Nội dung lục khoản trong văn bia cho thấy: ban đầu ngôi đình Trúc Lâm mới được làm bằng tranh tre, sau đó được dựng lại làm bằng chất liệu gạch ngói với 3 gian chắc chắn để làm nơi thờ cúng tổ nghề giày da.

Trong đình đặt một long ngai, bài vị của cụ Nguyễn Thời Trung và nhiều đồ thờ tự tượng trưng cho nghề giày da cùng các hoành phi, câu đối ca ngợi công đức của vị tổ nghề.

3.5. Đình Hà Vĩ thờ tổ nghề sơn

Di tích nằm gọn trong con ngõ nhỏ của phố Hàng Hòm, thế kỷ XIX là hộ thứ 6 Hà Thành. Căn cứ vào bia, chuông thì ngôi đình được những người dân làng Hà Vĩ xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, sau đó được trùng tu lại vào các năm Duy Tân thứ 8 (1914), Khải Định thứ 6 (1921), Bảo Đại thứ 16 (1941). Trong những ngày toàn quốc kháng chiến, giặc Pháp đánh sập toàn bộ ngôi đình. Đến năm 1951, dân trong phố lại quyên góp tiền của khôi phục lại ngôi đình quy mô như cũ.

Khi mới khởi dựng, ngôi đình có quy mô kiến trúc khá khang trang, gồm 2 nếp nhà theo kiểu chữ nhĩ, gồm 3 gian tiền bái, 3 gian hậu cung được làm bằng gỗ chắc chắn. Phía trước là khoảng sân rộng thông ra mặt phố Hàng Hòm. Trong hậu cung đặt ngai, bài vị của tổ nghề Trần Lư. Trong đình còn 4 tấm bia đá và quả chuông treo ngoài tiền tế.

3.6. Đình Lò Rèn thờ tổ nghề rèn

Đình Lò Rèn, số 1 phố Lò Rèn, phường Hàng Bồ, tọa lạc trên khu đất thuộc thôn Tân Lập - Tân Khai, tổng Thuận Mỹ, huyện Thọ Xương cũ.

Theo hồi ức của các cụ cao tuổi trong phường rèn thì ngôi đình được dựng trong khoảng những năm 1875 - 1878 và có đợt trùng tu lớn vào năm 1931. Khi đó, đình được xây dựng một tầng với lối kiến trúc như hiện nay. Từ khung, vì kèo, cánh cửa, cổng đều làm hoàn toàn bằng sắt mang đặc trưng của nghề rèn. Năm 1953, do xung quanh dân cư ngày một phát triển và mở rộng và để đảm bảo sự trang trọng và tôn vinh đối với tổ nghề, dân phường rèn đã tiến hành đợt trùng tu lớn. Đợt trùng tu này làm thay đổi diện mạo hoàn toàn của di tích: lúc này đình được xây lên hai tầng: tầng 1 dùng làm chỗ sinh hoạt phường hội và làm nơi ở cho những người trông nom và bảo vệ di tích; tầng 2 dùng cho việc thờ tự. Toàn bộ phần kiến trúc tầng 2 được làm bằng gỗ, mái lợp ngói ta, các bộ vì để trơn, không có trang trí hoa văn. Để tạo sự linh thiêng cho nơi thờ tự, phần kiến trúc đình chia làm 2 phần: nội cung và ngoại cung. Nội cung là nơi đặt ngai bài vị của tổ nghề. Ngoại cung đặt ban thần linh, công đồng.

3.7. Đình Đồng Lạc thờ tổ nghề cổ yếm

Tổ nghề cổ yếm được phối thờ trong đình Đồng Lạc, tại số 38 phố Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm. Theo văn bia thì ngôi đình được xây dựng từ thời Lê do bà Nguyễn Thị Diệu Quyên mua đất xây đình để thờ Cao Sơn, Bạch Mã và Linh Lang. Cũng tại đây, một tháng có 6 phiên chợ để bán cổ yếm cho phụ nữ. Sau này, ngôi đình bị tàn phá, hư hỏng. Đến năm 1941, một gia đình trong phố xây dựng lại ngôi đình quy mô hai tầng. Tầng 1 dùng để bán hàng, tầng trên dùng để ở. Như vậy, tính đến thời điểm năm 1941, ngôi đình Đồng Lạc không còn yếu tố thờ cúng nữa. Năm 1956, ngôi đình được sử dụng làm cửa hàng bách hóa tổng hợp của khu Hoàn Kiếm. Đến năm 1984, khi Sở Văn hóa Hà Nội tiến hành khảo sát, ngôi đình không còn dấu vết kiến trúc và yếu tố thờ cúng nữa. Năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà

Nội, ngôi đình được UBND Thành phố Hà Nội phối hợp với Thành phố Toulouse (Cộng hòa Pháp) phục dựng theo dáng xưa, trở thành “ngôi nhà di sản” trong khu phố cổ Hà Nội. Từ đó đến nay, đình Đồng Lạc là trụ sở làm việc của Ban Quản lý khu phố cổ Hà Nội.

4. Việc thờ cúng tổ nghề

4.1. Niềm tin của người thờ cúng

Mỗi gia đình người Việt Nam đều có bàn thờ tổ tiên. Mỗi cộng đồng làm nghề đều thờ chung một ông tổ có công truyền dạy nghề cho họ. Thờ cúng tổ nghề đã trở thành sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu của mỗi cộng đồng cư dân nghề nghiệp. Ngoài sự tôn vinh, biết ơn đối với vị tổ nghề, thờ cúng tổ nghề còn là sợi dây vô hình cố kết cộng đồng trong sản xuất, làm ăn; nâng đỡ, chở che những thành viên trong phường nghề. Mỗi khi gặp trắc trở, người ta lại sấm lễ vật, đến đình thờ tổ nghề cầu khẩn, để cho công việc luôn suôn sẻ, thuận lợi. Lúc làm ăn phát đạt thì họ có lễ báo công lên tổ nghề, lúc công việc sa sút thì cầu mong tổ nghề phù giúp. Vị tổ nghề trở nên thiêng liêng, nhưng lại rất gần gũi, luôn ở bên cạnh để giám sát trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của người làm nghề. Người thợ thủ công thờ tổ nghề ngoài lòng biết ơn, họ còn có niềm tin vào nghề, vào sự may mắn, phát đạt trong sản xuất, làm ăn.

Khi đến Thăng Long lập nghiệp, công việc sản xuất, kinh doanh đã ổn định, mỗi cộng đồng làm nghề đều họp bàn để cùng nhau bỏ tiền mua đất dựng những nơi thờ cúng chung cho cả nghề mình. Họ đã đặt ra những quy định để bắt buộc đối với từng thành viên làm nghề phải tuân theo.

4.2. Cách thức thờ cúng

Với đặc điểm là dân ngụ cư nên từ xưa, việc thờ cúng tổ nghề là thờ vọng bằng long ngai, bài vị, tức là họ phải về quê cũ, rước long ngai, thần vị của tổ nghề ra Thăng Long để thờ, còn tại quê cũ mới là thờ chính. Mục đích của thờ vọng là vì xưa kia, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn nên vào những dịp tuần tiết, sóc vọng, người thợ không thể về quê để cúng tổ nghề. Vì vậy, ở vùng đất mới, họ phải làm lễ bái vọng thay cho phải về quê làm lễ.

Các cơ sở thờ cúng tổ nghề ở quận Hoàn Kiếm từ xưa đến nay đều có sự tương đồng trong cách thức thờ cúng, đó là các kỳ tế lễ tại các di tích được đều tổ chức vào mùa xuân và mùa thu gọi là lễ “xuân thu nhị kỳ”. Sự tương đồng còn thể hiện trong lễ vật dâng cúng, thành phần tham dự,

trình tự buổi tế. Sự khác biệt chỉ là thời gian cụ thể diễn ra các kỳ lễ, lễ vật đặc trưng của mỗi phường nghề, những kiêng kỵ trong khi thực hành nghi lễ.

Thờ cúng tổ nghề nhuộm: Hằng năm, tại đình Hoa Lộc tổ chức 2 kỳ lễ xuân thu vào dịp tháng 2 và tháng 8⁵ (âm lịch). Đây là hai kỳ lễ quan trọng của phường nghề nhuộm. Lễ vật dâng cúng lên tổ nghề trong hai kỳ lễ này gồm: thủ lợn, trâu hoặc bò, xôi trắng, trâu cau, rượu, mũ áo, tiền vàng, trà nước, hoa quả theo mùa được người dâng cai sắm biện lễ vật theo quy định, việc này được thực hiện theo thứ tự luân phiên lần lượt đối với từng hộ gia đình làm nghề.

Thành phần tham dự: gồm tất cả những thành viên trong phường nghề, không phân biệt trai gái, già trẻ đều được tham gia đông đủ. Ngoài ra, còn có bà con làm nghề nhuộm từ Đan Loan (Hải Dương) được mời lên cùng tham dự. Theo quy định thì những người được chọn vào đội tế phải có gia cảnh vẹn toàn, gia đình không có “bụi”. Quan trọng nhất là người giữ vị trí chủ tế (phải là người có chức sắc, thứ bậc trong phường nghề) và người viết văn tế (phải là người có kiến thức sâu rộng, văn hay chữ tốt). Các thành viên khác đều do sự phân công của phường nghề. Trình tự buổi tế tổ nghề cũng giống như buổi tế thần hoàng ở các ngôi đình làng truyền thống, có chủ tế, bồi tế, Đông xướng, Tây xướng, người dẫn lễ, nghinh lễ và người đọc văn. Số người tham gia đội tế gồm 12 thành viên. Chủ tế mặc trang phục màu đỏ, các thành viên tế mặc trang phục màu xanh. Lúc tế không được đọc tên húy của thần, mà phải đọc chệch chữ “Xương” là “Sang”. Đặc biệt, phường thợ nhuộm có lệ kiêng không được đọc, nói tên húy của tổ nghề trong mọi sinh hoạt thường ngày: “trong việc làm ăn, lúc đọc, lúc nói đều phải kiêng kỵ tên húy của tổ nghề. Nếu sơ ý sai nhảm thì phải chịu tiền phạt rất nặng”⁶.

Thờ cúng tổ nghề kim hoàn: Từ xưa, người dân phố Hàng Bạc có hai kỳ lễ chính là vào mùa xuân từ ngày mùng 1 đến ngày 12 tháng 2, mùa thu (từ ngày mùng 1 đến ngày 12 tháng 8). Sau này, số ngày tế lễ được rút ngắn lại. Mùa xuân từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 5 tháng 2, mùa thu từ ngày mùng 1 đến mùng 5 tháng 8. Hiện nay, lễ tế xuân thu chỉ còn hai ngày là: ngày 12 tháng 2 và ngày 12 tháng 8. Lễ vật dâng cúng tổ nghề kim hoàn được quy định trong Khoán ước phố chợ Kim Ngân lập năm Giáp Dần, niên hiệu Cảnh Thịnh 2 (1794) gồm: “lợn 1 con, xôi 1 mâm, cau trâu 60 miếng, rượu tinh khiết 1 chai, chân giò lợn 1 đôi, mỗi

lễ chuẩn giá tiền 3 quan”⁷. Đến năm 1938, bản khai thần tích thần sắc đình Kim Ngân - Trương Thị, lễ vật cho hai kỳ lễ này đã được giảm đi, chỉ gồm: xôi trắng, thủ lợn (hoặc tam sinh: lợn, trâu, chim ngói), trầu cau, rượu được người đăng cai sắm sửa theo quy định luân phiên rồi đặt lên hai ban thượng và hạ. Riêng đối với thượng ban, ngoài những đồ lễ theo quy định, phải có vật phẩm là một thoi bạc đặt lên ban thờ để tỏ lòng cung kính với tổ nghề. Vì phố Hàng Bạc có tới 2 ngôi đình cùng thờ tổ nghề kim hoàn, nên hai kỳ lễ trong năm dân làng phân chia nhau để sắm lễ: “cứ đến ngày 12 tháng 8, đình Trương Thị vào đám thì dân đình Thị (Kim Ngân) đem đồ lễ vàng, hương, trầu, rượu đến làm lễ Ngải. Đến ngày 12 tháng 2, đình Kim Ngân vào đám thì dân đình Trương Thị cũng sắm lễ mang xuống làm lễ”⁸.

Thành phần tham gia: gồm tất cả bà con trong phố Hàng Bạc và những người làng Châu Khê được mời lên dự. Việc lựa chọn những thành viên trong đội tế vẫn phải là người có chức sắc hoặc có vai trò trong trọng trong phường nghề. Những thành viên trong đội tế không cần phải kiêng kỵ hoặc bị phạt vạ trong khi làm nhiệm vụ. Cũng như các phường nghề khác, những người tuổi cao luôn được giữ vị trí chủ đạo trong buổi tế: trong khi tế thì cụ Nhất được đứng chủ tế, còn dẫn tế thì tùy theo ngôi thứ vào dự lễ.

Thờ cúng tổ nghề thêu: Theo bản khai thần tích, thần sắc của phố Hàng Mành năm 1938 thì tại đình Tú Thị diễn ra 3 kỳ tế lễ trong một năm, đó là lễ tế xuân (mùng 6, mùng 7 tháng 2). Lễ tế thu (mùng 6, mùng 7 tháng 8). Lễ giỗ tổ (ngày mùng 3, mùng 4 tháng 6). Tuy nhiên, theo bia “Vũ Du tiên sư bi ký”, dựng năm Gia Long thứ 13 (1814) tại đền thờ tổ nghề tại làng Quất Động cho biết: “Hàng năm, cứ đến ngày 12 tháng 6, thợ thêu các làng sắm lễ vật, rước kiệu về làng Ngũ Xã để tế Tổ. Năm Cảnh Hưng (1740) được nâng bậc trong bách thần, ghi vào điển lễ. Năm Bính Dần (1746) vâng chiếu chỉ ban áo lễ của nhà vua, phong làm Thượng đẳng phúc thần, cho phép 5 xã tổng Vũ Du và quan Khang Công Phiên làm chủ tế lễ việc công”⁹. Theo những người thợ thêu làng Quất Động thì khoảng từ năm 1995 trở lại đây, thợ thêu cúng giỗ tổ nghề vào ngày 12 tháng 6 theo đúng ngày được ghi trong văn bia đền thờ tổ nghề ở Quất Động. Lễ vật dâng cúng tổ nghề của 2 kỳ lễ xuân thu, gồm: “hôm trước dùng lễ tam sinh, hôm sau dùng lễ nguyên sinh, có xôi và thanh bông, hoa quả, vàng hương, trầu cau, rượu”¹⁰ được người đăng cai sắm sửa theo thứ tự luân phiên trong chợ Thêu thực hiện. Riêng đối với

ngày giỗ tổ nghề, ngoài những đồ lễ theo quy định ở trên thì toàn bộ mũ, áo, cân đai, hia, quạt, biển lệnh, lọng, hoành phi, câu đối... đều do chính tay những người thợ tự thêu bằng hai màu đỏ và vàng để tỏ lòng cung kính và biết ơn đối với tổ nghề.

Thành phần tham dự: gồm tất cả những bà con trong chợ Thợ thêu và những bà con làng Quất Động cũng được mời lên Hà Nội tham dự. Những người có chức sắc được đứng chủ tế: “ai có phẩm hàm thì làm chủ tế, còn bồi tế, đọc văn, Đông xướng, Tây xướng, chấp sự nội ngoại thì tùy từng người trong chợ, ai giỏi việc nào thì vào việc ấy. Trước ngày làm lễ và trong khi làm lễ, ai được vào làm lễ thì phải tắm gội sạch sẽ và phải có mũ áo chỉnh tề theo thứ tự”¹¹. Theo lệ, dân chợ thêu chỉ kiêng húy một chữ “Hành” gọi là “Hiềng” trong lúc xướng tế.

Thờ cúng tổ nghề giày da: Những người thợ làng Chấm (Phong Lâm và Trúc Lâm) tổ chức tế lễ xuân thu vào hai ngày 13 tháng 2 và 13 tháng 8 (âm lịch) nhằm cầu mong cho việc sản xuất, kinh doanh được thuận lợi. Lễ vật dâng cúng cho hai kỳ lễ này gồm: xôi, gà, lợn, gạo, thanh bông, hoa quả, trà cau. Đặc biệt, vào hai dịp tế này, lễ vật cúng tế nhất thiết phải có sản phẩm là đôi giày da đặt trên ban thờ để tỏ lòng cung kính và biểu thị đặc trưng của nghề.

Thành phần tham dự: phường thợ giày quy định những người được tham dự vào hai kỳ tế lễ gồm: “những người 18 tuổi đều có thể dự vào việc tế lễ ở đình được, trừ người nào có tang chế hay bận việc thì mới được miễn. Những người lớn tuổi được bố trí công việc nhẹ nhàng hơn. Người có chức sắc, gia đình vẹn toàn được đứng chủ tế. Đội tế có 12 người tham gia”¹². Trang phục của đội tế được quy định: “Lúc tế lễ thì người dự lễ phải mặc chiếc áo thụng lam hoặc tím để phân biệt trong khi làm lễ”¹³. Tuy nhiên, phường thợ giày da lại không quy định phải kiêng cử hay bắt vạ những người có lỗi trong khi tế lễ.

Thờ cúng tổ nghề sơn: Tại đình Hà Vĩ tổ chức 2 kỳ tế lễ xuân thu vào ngày mùng 8 tháng 2 và ngày mùng 8 tháng 8. Lễ vật dâng cúng gồm: Xôi, gà, lợn, gạo mới, chim ngói, hoa quả. Để tỏ lòng biết ơn đối với tổ nghề, thợ sơn còn dâng lên tổ nghề những sản phẩm mang đặc trưng của phường nghề như: tráp, ống hương, cây đèn, đài nước... được sơn thếp cẩn thận đặt trước thánh vị tổ nghề.

Thành phần tham dự gồm tất cả mọi thành viên trong làng “dân làng đều phải đi tế, chỉ trừ cho những người có tang và bận việc riêng mới

được miễn”¹⁴. Những người có chức sắc thì đứng chủ tế. Trang phục lúc tế dùng áo thụng màu xanh và đội mũ¹⁵.

Thờ cúng tổ nghề rèn: Những người thợ rèn tổ chức 2 kỳ lễ xuân thu vào ngày 22 tháng 2 và ngày 22 tháng 8. Lễ vật dâng cúng gồm: xôi, thủ lợn hoặc gà, thanh bông, tiền vàng, hương đăng, trà nước.

Những người tham gia tế lễ gồm tất cả những gia đình làm nghề rèn ở phố Lò Rèn. Trong hai kỳ lễ này luôn có sự tham dự của bà con từ làng Hòe Thị, xã Xuân Phương, Từ Liêm. Quy định về việc trước và trong khi tế cũng có nét giống với tổ nghề giày da và nghề sơn, đó là: không có tục kiêng tên húy và lệ phạt vạ với những người có lỗi trong buổi tế lễ.

Thờ cúng tổ nghề cổ yếm: Dân phố Hàng Đào tổ chức tế xuân, thu vào trung tuần tháng 2 và trung tuần tháng 8 âm lịch¹⁶. Lễ vật dâng cúng tổ nghề trong hai kỳ lễ là: “xôi, thủ lợn hoặc tam sinh, thanh bông, trầu cau, rượu sấm thành 2 lễ... Những lễ vật ấy trong hương ẩm đăng cai luân thứ mà làm”¹⁷.

Thành phần tham dự: Tất cả bà con làm nghề cổ yếm trong phố Hàng Đào đều được tham dự. Chỉ trừ những người có tang thì không được vào chủ tế. Ngoài ra, không kiêng cử gì cả¹⁸. Trang phục trang khi tế lễ được quy định dùng áo tấc lam và cũng không có cấm kỵ hay phạt vạ trong lúc tế lễ.

Điều đặc biệt trong các kỳ tế lễ ở những di tích thờ cúng tổ nghề trong khu phố cổ Hà Nội là: sau các nghi thức tế lễ là phần hội diễn ra ngay tại sân đình với lễ trình nghề của các phường nghề nhằm trưng bày những sản phẩm mới, đặc sắc được ưa chuộng của thị trường. Lễ trình nghề ngoài mục đích báo công dâng lên tổ nghề còn là dịp trưng bày, giới thiệu sản phẩm đến những bạn hàng xa gần nhằm quảng bá và giới thiệu sản phẩm của mỗi nghề. Cũng trong hai dịp lễ này, những người làm nghề có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, phổ biến những sáng kiến, kinh nghiệm để cùng nhau cải tiến nghề cũng như những công việc chung của hội nghề nghiệp mà họ đã gắn kết, quan tâm.

5. Tạm kết

Thờ cúng tổ nghề trong khu phố cổ quận Hoàn Kiếm, Hà Nội hiện nay là một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa dân gian, tạo nên nét văn hóa đặc sắc của những phường nghề thủ công trong 36 phố phường xưa. Cho đến nay, mặc dù phần lớn các nghề thủ công không còn duy trì hoạt động,

nhưng những cơ sở thờ cúng tổ nghề vẫn được cộng đồng cư dân làm nghề và cư dân không làm nghề duy trì thờ cúng. Chính sự hiện diện của những cơ sở thờ tự cùng các nghi thức thờ cúng tổ nghề ngoài việc là bằng chứng về một giai đoạn phát triển sầm uất của các nghề thủ công trong khu vực 36 phố phường, còn phản ánh những tập tục sinh hoạt văn hóa tâm linh được các cộng đồng làm nghề mang từ các vùng miền ra Thăng Long để hội tụ, giao lưu, tiếp biến và tỏa sáng, tạo nên sự đa dạng văn hóa của mảnh đất kinh kỳ mà không nơi nào có được./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Gia phả hiện lưu giữ tại nhà thờ họ Bùi Trần, xã Quất Động, huyện Thường Tín, Hà Nội. Sách dày 16 trang, giấy bản cũ, chữ Hán viết Chân do Bùi Trần Tiền chép lại vào tháng 8 năm Ất Dậu (1945).
- 2 Trong các văn bia chữ Hán ghi là “đền”. Tuy nhiên, từ năm 1938 đến nay, trong các văn bản đều ghi là “đình”
- 3 Bia “Bản thị tiên công liệt vị”, lưu tại Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội, ký hiệu: CB210.
- 4 Bia: “Tú Đình trùng tu bi ký”, lưu tại Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội, ký hiệu: CB208.
- 5 Trong bản khai thần tích thần sắc của làng Đan Loan chỉ ghi là vào tháng 2 và tháng 8, không ghi ngày cụ thể.
- 6 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc làng Đan Loan*, ký hiệu: TTTS 9000.
- 7 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Changeurs, làng Kim Ngân - Trương Thị*, ký hiệu: TTTS 3837.
- 8 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Changeurs, làng Kim Ngân - Trương Thị*, ký hiệu: TTTS 3837.
- 9 Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hảo (2009), *Làng nghề phố nghề Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 370.
- 10 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Mành*, ký hiệu: TTTS 3879.
- 11 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Mành*, ký hiệu: TTTS 3879.
- 12 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc ngõ Hàng Hành, làng Chúc Lâm*, ký hiệu: TTTS 3753.
- 13 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc ngõ Hàng Hành, làng Chúc Lâm*, ký hiệu: TTTS 3753.
- 14 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Hòm, làng Hà Vĩ*, ký hiệu: TTTS 3867.
- 15 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Hòm, làng Hà Vĩ*, ký hiệu: TTTS 3867.
- 16 Theo bản khai thần tích thần sắc phố Hàng Đào năm 1938.

- 17 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Đào, làng Đồng Lạc*, ký hiệu: TTTS 3859.
- 18 Viện Viễn Đông Bác cổ (1938), *Thần tích thần sắc phố Hàng Đào, làng Đồng Lạc*, ký hiệu: TTTS 3859.

Abstract

THE CULT OF INVENTORS OF PROFESSIONS (A case study of Hoàn Kiếm district, Hà Nội)

Despite only accounting for a modest amount (about 5%), relics of the cult of inventors of professions and their related cultic activities in the Hoàn Kiếm district have been the “spirit” of the religious life in the “36 Old Streets” of Hanoi. These relics marked the presence of the traditional handicrafts and the cultural customs that have been maintained by the vocational communities. Currently, the places for the cult of inventors of professions are preserved and maintained along with the religious activities though many traditional handicrafts cease to exist. These places inform us development of numerous handicrafts in the “36 Old Streets” of Hanoi in the old days. Further, they have also affirmed the sustainability of the Vietnamese’s cultural and spiritual values.

Keywords: Cult, professional ancestor, Hoàn Kiếm, Hà Nội.